

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, xác định cha cho con chưa
thành niên.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Bảo

2. Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Sang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, xác định cha cho con chưa thành niên” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 03619200xxxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 07 đường K, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 07 đường K, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1986; Căn cước công dân số 03608600xxxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn L, xã V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 43, K2 Trại giam Ninh Khánh, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa chị D có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 06-3-2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05-4-2024, bản tự khai các ngày 01, 05 và 26-4-2024, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Vân, thành phố Nam Định vào ngày 30-5-2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên xảy ra tranh cãi nhau. Vợ chồng đã tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên từ cuối năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Trong thời gian ly thân anh Đ vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại đội 43 – K2 Trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Từ khi anh Đ chấp hành án cho đến nay chị không thăm hỏi gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn, đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Thị Mỹ A, sinh ngày 20-02-2016, hiện đang ở với chị. Chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về xác định cha cho con: Trước khi kết hôn với anh Đ, chị đã có con riêng tên là Trần Nhật A1, sinh ngày 28-10-2012. Trên giấy khai sinh của cháu Trần Nhật A1 tại mục họ và tên mẹ là Trần Thị D còn mục họ và tên cha để trống. Thực tế cháu Trần Nhật A1 không phải là con chung của chị và anh Đ. Chị làm đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh Hà Văn Đ không phải là cha của cháu Trần Nhật A1 và đề nghị Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định thực hiện giám định ADN xác định quan hệ huyết thống Cha – Con giữa anh Hà Văn Đ và cháu Trần Nhật A1.

2. Tại bản tự khai ngày 04-4-2024 có xác nhận của Trại giam Ninh Khánh bị đơn là anh Hà Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với chị Trần Thị D về điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Năm 2023 anh bị chấp hành án phạt tù với thời gian 5 năm. Nay chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là nhất trí ly hôn với chị D. Do anh đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh nên anh đề nghị tòa án xét xử vắng mặt anh. Tại biên bản tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 13-5-2024 anh thay đổi quan điểm đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa.

- *Về con chung*: Anh và chị D có quan hệ tình cảm từ năm 2012, chị D mang thai và sinh cháu Trần Nhật A1 vào ngày 28-10-2012. Do anh và chị D chưa đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu Trần Nhật A1 chỉ có tên mẹ là Trần Thị D trong mục họ và tên mẹ còn mục họ và tên cha để trống. Ngoài ra anh chị còn có một con chung nữa là cháu Hà Thị Mỹ A, sinh ngày 20-02-2016. Anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

- *Về xác định cha cho con*: Anh xác định cháu Trần Nhật A1, sinh ngày 28-10-2012 là con chung của anh và chị D nên đề nghị Tòa án giám định ADN để có căn cứ xác định cháu Trần Nhật A1 là con đẻ của anh và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Tại đơn đề nghị ngày 05-4-2024 cháu Hà Thị Mỹ A, sinh ngày 20-02-2016 trình bày quan điểm muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

4. *Tại Phiếu kết quả phân tích ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis Hà Nội ngày 19-4-2024 kết luận*: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1986; Căn cước công dân số 036086002284; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 43, K2 Trại giam Ninh Khánh, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình với cháu Trần Nhật A1 sinh ngày 28-10-2012; Giấy khai sinh số 252, quyển số 01/2012 ngày 29-11-2012 của UBND phường Văn Miếu, thành phố Nam Định không có quan hệ huyết thống: CHA – CON.

5. *Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương ngày 02-5-2024 xác định*: Anh Hà Văn Đ có đăng ký thường trú tại Thôn L, xã V, thành phố Nam Định. Anh Đ và chị D kết hôn tại UBND xã Nam Vân, thành phố Nam Định vào năm 2016. Quá trình chung sống anh Đ và chị D phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân địa phương không biết rõ. Từ năm 2019 chị D chuyển đi nơi khác, đến năm 2023 anh Đ phải đi chấp hành án do vi phạm pháp luật. Trong thời gian anh Đ và chị D chung sống có sinh 01 con chung là Hà Thị Mỹ A, sinh ngày 20-02-2016. Chị Trần Thị D làm đơn xin ly hôn anh Hà Văn Đ chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

6. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu ý kiến*:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng

nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Hà Văn Đ. Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Hà Thị Mỹ A, sinh ngày 20-02-2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về xác định cha cho con: Xác định anh Hà Văn Đ không phải là cha đẻ của cháu Trần Nhật A1, sinh ngày 28-10-2012. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: chị D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn. Án phí dân sự sơ thẩm về xác định cha cho con: chị D thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng.

Chị Trần Thị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Văn Đ.

[1.2] Về yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án của bị đơn.

Tại biên bản tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 13-5-2024 anh Hà Văn Đ có ý kiến đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Trần Thị D. Xét thấy, ý kiến của bị đơn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Hà Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Vân, thành phố Nam Định vào ngày 30-5-2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên từ năm 2018 đến nay anh chị đã ly thân, không quan tâm tới nhau. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh Hà Văn Đ vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại đội 43, K2 Trại giam Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Chị Trần Thị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh Hà Văn Đ hoàn toàn nhất trí. Tại phiên tòa chị D có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Hà Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Trần Thị D và anh Hà Văn Đ có 01 con chung là Hà Thị Mỹ A, sinh ngày 20-02-2016. Xét thấy, hiện nay con chung đang ở với chị D còn anh Đ đang phải chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh. Cháu Hà Thị Mỹ A có quan điểm xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù hợp với thực tế Hội đồng xét xử giao cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị D và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về xác định cha cho con chưa thành niên:

Cháu Trần Nhật A1, sinh ngày 28-10-2012; chị Trần Thị D và anh Hà Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 30-5-2016, như vậy cháu Trần Nhật A1 không sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị D và anh Đ. Ngày 05-4-2024 Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 98/2024/QĐ-TCGD trưng cầu Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis Hà Nội thực hiện giám định ADN xác định quan hệ huyết thống Cha – Con giữa anh Hà Văn Đ và cháu Trần Nhật A1. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 19-4-2024 kết luận: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1986; Căn cước công dân số 036086002284; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn Dịch Lễ, xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 43, K2 Trại giam Ninh Khánh, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình với cháu Trần Nhật A1 sinh ngày 28-10-2012; Giấy khai sinh số 252, quyền số 01/2012 ngày 29-11-2012 của UBND phường Văn Miếu, thành phố Nam Định không có quan hệ huyết thống: CHA – CON. Như vậy, yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Trần Thị D về việc xác định anh Hà Văn Đ không phải là cha đẻ của cháu Trần Nhật A1 là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 88, Điều 89 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xác định anh Hà Văn Đ không phải là cha đẻ của cháu Trần Nhật A1.

[2.5] Về chi phí giám định: Chị Trần Thị D tự nguyện nộp toàn bộ chi phí giám định không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí dân sự về xác định cha cho con: Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Trần Thị D thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 88 và Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Hà Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Hà Thị Mỹ A, sinh ngày 20-02-2016; giới tính: Nữ. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị D không yêu cầu anh Hà Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hà Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về xác định cha cho con chưa thành niên: Xác định anh Hà Văn Đ; Căn cước công dân số 03608600xxxx không phải là cha đẻ của cháu Trần Nhật A1, sinh ngày 28-10-2012, giới tính: Nam; Giấy khai sinh số 252, quyền số 01/2012 ngày 29-11-2012 của UBND phường Văn Miếu, thành phố Nam Định.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị D đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002017 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Án phí dân sự về xác định cha cho con: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Trần Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D và anh Hà Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Nam Định;
 - VKSND tỉnh Nam Định;
 - VKSND thành phố Nam Định;
 - Chi cục THADS thành phố Nam Định;
 - UBND xã Nam Vân
- (ĐK số 16 ngày 30-5-2016);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền

